SAO Y; Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố; 24/06/2022 15:46:15 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28 /2022/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP Ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Liên Sở: Y tế - Công Thương - Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Tờ trình số 2365/TTrLS: YT - CT - NN&PTNT ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc tham mưu xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND Thành phố về ban hành "Quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định phân công, phân cấp quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và thay thế Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành "Quy định phân công, phân cấp quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội" và Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phân công, phân cấp

nhiệm vụ quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Công an Thành phố, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BCĐLNTUVSATTP;
- Các Bộ: YT, NN&PTNN, CT;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- UBMTTQVN thành phố Hà Nội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Cổng giao tiếp điện tử Thành phố;
- VPUB: Các Phó Chánh Văn phòng; Phòng: KGVX, KTN, HC-TC, KSTTHC, TH;
- Trung tâm Tin học và Công báo Thành phố;
- Lưu: VT, KGVX.

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về việc phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 28 /2022/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm của thành phố Hà Nội và các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân công, phân cấp và phối hợp quản lý an toàn thực phẩm

1. Nguyên tắc phân công, phân cấp và phối hợp quản lý an toàn thực phẩm thực hiện theo Luật An toàn thực phẩm, khoản 1 đến khoản 7 điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP), các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa phương theo phân công, phân cấp.

2. Phân cấp quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống giữa cấp Thành phố, cấp huyện theo nguyên tắc cấp nào cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì cấp đó quản lý cơ sở đó (trừ các trường hợp: cơ sở theo phân cấp tuyến Trung ương quản lý; hợp tác xã sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công Thương quản lý).

3. Quản lý cơ sở sản xuất thực phẩm hỗn hợp hoặc kinh doanh thực phẩm hỗn hợp hoặc cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm (sau đây gọi tắt là cơ sở thực phẩm hỗn hợp) thực hiện phân công theo quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ

quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân chịu sự quản lý về an toàn thực phẩm của cơ quan quản lý được lựa chọn.

4. Cơ quan được phân công, phân cấp quản lý cơ sở có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm, xác nhận hoặc tiếp nhận bản cam kết an toàn thực phẩm, tiếp nhận bản sao giấy chứng nhận có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cơ sở quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; tuyên truyền phổ biến kiến thức; thanh kiểm tra, hậu kiểm, giám sát, kiểm nghiệm, xử lý vi phạm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm và các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác về an toàn thực phẩm đối với cơ sở thuộc lĩnh vực được phân công, phân cấp quản lý theo quy định (bao gồm cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có tiến hành hoạt động thương mại điện tử).

Chương II
PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Là cơ quan đầu mối thường trực Ban Chỉ đạo công tác an toàn thực phẩm Thành phố (gọi tắt là Ban Chỉ đạo) có trách nhiệm như sau:

a) Tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo hoạch định những vấn đề có tính chiến lược để chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác an toàn thực phẩm, kiện toàn Ban Chỉ đạo; theo dõi giám sát và tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm của các Sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố, trình Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Y tế.

c) Đảm bảo thông tin giữa Ban Chỉ đạo với các Sở, ngành, địa phương và Trung ương. Tổng hợp các vấn đề vướng mắc về văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm trên địa bàn.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ do Trưởng Ban Chỉ đạo giao.

2. Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh và cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này và cơ sở thực phẩm hỗn hợp được quy định tại khoản 3 Điều 3 theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (bao gồm cả các cơ sở trong chợ trừ chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản; trung tâm thương mại và các cơ sở độc lập trong siêu thị không thuộc quản lý của siêu thị). Chịu trách nhiệm quản lý

nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý có tiến hành hoạt động thương mại điện tử.

3. Sở Y tế giao Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm

a) Quản lý, cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này và cơ sở thực phẩm hỗn hợp được quy định khoản 3 Điều 3 theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (trừ cơ sở sản xuất dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm).

b) Tổ chức tiếp nhận, quản lý hồ sơ, cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm quy định tại Mục 1, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

c) Quản lý và tiếp nhận bản cam kết trách nhiệm về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định, bao gồm: các bếp ăn tập thể, căng tin tại các khu công nghiệp, trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, học viện, bệnh viện hạng một trở lên, cơ quan tổ chức khác có qui mô từ 200 suất ăn/một lần phục vụ trở lên và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong khách sạn ba sao trở lên. Xây dựng mẫu bản cam kết trách nhiệm về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

d) Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc ngành Y tế tuyến Thành phố quản lý theo phân công, phân cấp và theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (trừ sản phẩm phải đăng ký công bố sản phẩm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 tại Quy định này). Tiếp nhận bản sao giấy chứng nhận có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cơ sở quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

e) Tuyên truyền phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm; thanh kiểm tra; hậu kiểm; giám sát; kiểm nghiệm các thực phẩm lưu thông trên thị trường, xử lý vi phạm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm đối với các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý theo phân cấp.

4. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với một số sản phẩm đặc thù của địa phương thuộc ngành Y tế quản lý chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với địa phương.

5. Chủ động xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành và được giao. Trong quá trình thực hiện chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch.

6. Chủ trì, phối hợp với các Sở chuyên ngành tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các ngành khác khi có chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo công tác an toàn thực phẩm Thành phố; khi phát hiện sản phẩm thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm lưu thông trên địa bàn vi phạm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng; khi có sự khác biệt trong kết luận thanh tra của các Sở chuyên ngành; theo đề nghị của Sở chuyên ngành. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành. Xác minh, xử lý thông tin phản ánh về mất an toàn thực phẩm trên địa bàn theo phân công, phân cấp thuộc ngành Y tế quản lý.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Quản lý an toàn thực phẩm đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối bao gồm: Quá trình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, thu hái, đánh bắt nông, lâm, thủy sản, sản xuất muối. Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh và cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này và cơ sở thực phẩm hỗn hợp được quy định tại khoản 3 Điều 3 theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (bao gồm cả các cơ sở trong chợ gồm cả chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản và các cơ sở độc lập trong siêu thị không thuộc quản lý của siêu thị). Quản lý an toàn thực phẩm đối với các chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý có tiến hành hoạt động thương mại điện tử.

2. Quản lý, cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm, xác nhận bản cam kết an toàn thực phẩm, tiếp nhận bản sao giấy chứng nhận có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cơ sở quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, tuyên truyền phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm; thẩm định xếp loại cơ sở; thanh kiểm tra, hậu kiểm, giám sát, kiểm nghiệm thực phẩm; xử lý vi phạm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm; xác minh, xử lý thông tin phản ánh về mất an toàn thực phẩm theo phân công, phân cấp thuộc lĩnh vực ngành Nông nghiệp quản lý .

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho các Chi cục chuyên ngành trực thuộc quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản cụ thể như sau:

a) Giao Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản:

Đầu mối tham mưu công tác quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp quản lý; tham mưu xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp.

Tổ chức quản lý nhà nước theo quy định đối với cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc thực vật; cơ sở có hoạt động chế biến sản phẩm có nguồn gốc động vật; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc thủy sản; cơ sở sản xuất kinh doanh muối ăn và các sản phẩm từ muối ăn; cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm phối chế, hỗn hợp; kho lạnh bảo quản, kinh doanh sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản; cơ sở sản xuất kinh doanh 02 nhóm sản phẩm trở lên và các cơ sở khác do ngành Nông nghiệp quản lý nhưng chưa được phân công cho các cơ quan trong ngành Nông nghiệp.

Tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm chế biến thực phẩm bao gói sẵn; xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện không phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; tiếp nhận bản sao giấy chứng nhận có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cơ sở quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP thuộc ngành Nông nghiệp tuyến Thành phố quản lý theo phân công, phân cấp.

b) Giao Chi cục Thủy sản tổ chức quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản.

c) Giao Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định đối với cơ sở trồng trọt (hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt).

d) Giao Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định đối với cơ sở chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, kho lạnh bảo quản, kinh doanh độc lập sản phẩm có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản).

4. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với một số sản phẩm đặc thù của địa phương thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với địa phương.

5. Chủ động xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành và được giao. Trong quá trình thực hiện chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch.

6. Phối hợp liên ngành trong thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về an toàn thực phẩm khi có yêu cầu.

7. Định kỳ, đột xuất báo cáo đơn vị đầu mối Thường trực Ban Chỉ đạo (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh và cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này và cơ sở thực phẩm hỗn hợp được quy định tại khoản 3 Điều 3 theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (bao gồm cả các cơ sở, hợp tác xã trong chợ trừ chợ đầu mối và chợ đấu giá nông sản; siêu thị, cửa hàng tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối thực phẩm theo phân cấp của Bộ Công thương và các cơ sở trong trung tâm thương mại trừ các cơ sở do ngành Y tế quản lý). Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý có tiến hành hoạt động thương mại điện tử.

2. Quản lý, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm, tiếp nhận bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (cơ sở quy định từ điểm a đến điểm e khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP), tiếp nhận bản sao Giấy chứng nhận có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP), tuyên truyền phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm; thanh kiểm tra, hậu kiểm, giám sát, kiểm nghiệm thực phẩm; xử lý vi phạm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm; xác minh, xử lý thông tin phản ánh về mất an toàn thực phẩm theo phân công, phân cấp thuộc lĩnh vực ngành Công thương quản lý. Xây dựng mẫu bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm lĩnh vực ngành Công thương quản lý đối với cơ sở quy định từ điểm a đến điểm e khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

3. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với một số sản phẩm đặc thù của địa phương thuộc ngành Công thương quản lý chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với địa phương.

4. Chủ động xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành và được giao. Trong quá trình thực hiện chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch.

5. Phối hợp liên ngành và đơn vị liên quan trong thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về an toàn thực phẩm khi có yêu cầu.

6. Phối hợp với Cục Quản lý thị trường Hà Nội về việc phòng chống thực phẩm giả, gian lận thương mại lưu thông trên thị trường.

7. Đầu mối tham mưu, tổng hợp, báo cáo, công tác quản lý an toàn thực phẩm tại chợ (trừ chợ đầu mối và chợ đấu giá nông sản), báo cáo đơn vị đầu mối

Thường trực Ban Chỉ đạo (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Y tế, Bộ Công Thương.

8. Định kỳ, đột xuất báo cáo đơn vị đầu mối Thường trực Ban Chỉ đạo (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Y tế, Bộ Công Thương.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên phạm vi địa phương, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về an toàn thực phẩm tại địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp làm Trưởng Ban Chỉ đạo công tác an toàn thực phẩm; chủ động tổ chức lực lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn; trực tiếp chỉ đạo và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của cơ quan nhà nước cấp dưới; xử lý cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; tổ chức giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật khi để xảy ra vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn; khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn.

2. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân Thành phố và văn bản của các Sở, ngành về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

3. Tổ chức, điều hành Ban Chỉ đạo công tác an toàn thực phẩm cấp huyện.

4. Chịu trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (bao gồm cả các cơ sở trong chợ gồm cả chợ đầu mối và chợ đấu giá nông sản, trung tâm thương mại và các cơ sở độc lập trong siêu thị không thuộc quản lý của siêu thị, trừ hợp tác xã sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công Thương do Sở Công Thương quản lý). Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý có tiến hành hoạt động thương mại điện tử.

5. Quản lý, cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, xác nhận và tiếp nhận bản cam kết an toàn thực phẩm, tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm, tiếp nhận bản sao giấy chứng nhận có xác nhận của cơ sở, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ sở thực phẩm thuộc ngành Y tế quản lý:

Quản lý, cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất đối với sản

phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này và cơ sở thực phẩm hỗn hợp được quy định tại khoản 3 Điều 3 theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (trừ cơ sở sản xuất dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm).

Quản lý và tiếp nhận bản cam kết trách nhiệm về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định, bao gồm: các bếp ăn tập thể, căng tin tại các cụm công nghiệp, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, bệnh viện hạng hai trở xuống, cơ quan tổ chức khác có quy mô từ 50 suất đến dưới 200 suất ăn/một lần phục vụ và cơ sở dịch vụ ăn uống trong khách sạn hai sao trở xuống.

b) Đối với cơ sở thực phẩm thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, Uỷ ban nhân dân cấp huyện giao cho Phòng Kinh tế:

Tổ chức cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản và cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này và cơ sở thực phẩm hỗn hợp được quy định khoản 3 Điều 3 theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (trừ cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, sơ chế nhỏ lẻ, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn hoặc cơ sở đã được cấp một trong các giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000 hoặc tương đương còn hiệu lực).

Xác nhận bản cam kết an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo phân cấp tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

c) Đối với cơ sở thực phẩm thuộc ngành Công thương quản lý:

Tiếp nhận bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (cơ sở quy định từ điểm a đến điểm e, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này và cơ sở thực phẩm hỗn hợp được quy định tại khoản 3 Điều 3 theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định (trừ hợp tác xã sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc ngành Công Thương quản lý).

d) Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (trừ sản phẩm phải đăng ký công bố sản phẩm theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 4 tại Quy định này) và tiếp nhận bản sao giấy chứng nhận có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (trừ hợp tác xã sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc ngành Công Thương quản lý).

6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn.

7. Bố trí đủ nguồn lực, điều kiện làm việc, nhân lực và ngân sách cho các cơ quan chuyên môn để thực hiện việc quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm.

8. Thanh kiểm tra, hậu kiểm, giám sát định kỳ, đột xuất, kiểm nghiệm nhanh, lấy mẫu thực phẩm, dụng cụ gửi đơn vị xét nghiệm, thẩm định xếp loại cơ sở, xử lý vi phạm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn thuộc phân cấp quản lý theo quy định của Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân Thành phố. Chủ động tổ chức lực lượng thanh tra, kiểm tra đột xuất các cơ sở thực phẩm trên địa bàn khi có dấu hiệu vi phạm hoặc khi có chỉ đạo của cấp trên, xử lý vi phạm, cảnh báo nhanh cho cộng đồng.

9. Phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo quy định.

10. Thực hiện hoặc phối hợp các Sở, ngành liên quan tổ chức triển khai các chương trình, dự án, đề án về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên phạm vi địa phương, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân Thành phố về an toàn thực phẩm tại địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp làm Trưởng Ban Chỉ đạo công tác an toàn thực phẩm; chủ động tổ chức lực lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn; trực tiếp chỉ đạo và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của cơ quan đơn vị, bộ phận được phân công quản lý an toàn thực phẩm; xử lý cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; tổ chức giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật khi để xảy ra vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn; khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn.

2. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân Thành phố, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

3. Tổ chức, điều hành Ban Chỉ đạo công tác an toàn thực phẩm cấp xã.

4. Chịu trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm: cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố (bao gồm cả các cơ

sở trong chợ gồm cả chợ đầu mối và chợ đấu giá nông sản, trung tâm thương mại và các cơ sở độc lập trong siêu thị không thuộc quản lý của siêu thị); quản lý và tiếp nhận bản cam kết trách nhiệm về an toàn thực phẩm đối với các bếp ăn tập thể, căng tin tại nhóm trẻ độc lập, cơ sở giáo dục khác không thuộc đối tượng quản lý của cấp trên và cơ quan, tổ chức khác có quy mô dưới 50 suất ăn/lần phục vụ. Xác nhận bản cam kết an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý. Tiếp nhận bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm lĩnh vực Công Thương không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý có tiến hành hoạt động thương mại điện tử.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn.

6. Bố trí đủ nguồn lực, điều kiện làm việc, nhân lực và ngân sách cho các cơ quan chuyên môn để thực hiện việc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Phân công công chức xã thực hiện nhiệm vụ theo dõi công tác an toàn thực phẩm theo hình thức kiêm nhiệm.

7. Thanh kiểm tra, hậu kiểm, giám sát định kỳ, đột xuất, kiểm nghiệm nhanh, lấy mẫu thực phẩm, dụng cụ gửi tuyến trên xét nghiệm, đánh giá phân loại cơ sở, xử lý vi phạm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm và tổ chức lực lượng thanh tra, kiểm tra đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố, cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn khi có dấu hiệu vi phạm hoặc khi có chỉ đạo của cấp trên, xử lý vi phạm, cảnh báo nhanh về an toàn thực phẩm cho cộng đồng.

8. Phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo quy định.

9. Thực hiện hoặc phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các chương trình, dự án, đề án về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan thông tin truyền thông

1. Cục Quản lý thị trường Hà Nội

a) Tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm nhập lậu; sản xuất, buôn bán thực phẩm giả, hàng cấm, hàng kém chất lượng, thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ

quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại về thực phẩm theo quy định pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Thực hiện trao đổi thông tin, cung cấp và tiếp nhận thông tin về an toàn thực phẩm; hướng dẫn, thực hiện và tuyên truyền pháp luật liên quan đến hoạt động của lực lượng quản lý thị trường về an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố.

c) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong kinh doanh thực phẩm trên thị trường; kiểm tra cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương theo quy định pháp luật; xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật. Triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ, kế hoạch kiểm tra chuyên đề theo quy định.

d) Tham gia Ban Chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành, đoàn kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm các cấp có thẩm quyền thành lập, phối hợp kiểm tra, xác minh và xử lý thông tin báo chí, người dân phản ánh hay các thông tin mất an toàn thực phẩm trên địa bàn, phối hợp với các cơ quan nhà nước về kiểm nghiệm trong tổ chức lấy mẫu để đánh giá chất lượng an toàn thực phẩm; thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị.

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về an toàn thực phẩm theo quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; định kỳ, đột xuất báo cáo đơn vị đầu mối Thường trực Ban Chỉ đạo (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Y tế, Bộ Công Thương.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các trường trực thuộc có dịch vụ ăn uống bảo đảm đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Kiên quyết không để các cơ sở không đủ điều kiện theo quy định cung ứng dịch vụ ăn uống cho các trường trực thuộc. Triển khai các mô hình điểm bếp ăn tập thể bảo đảm an toàn thực phẩm ở các trường trực thuộc.

b) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục kiến thức về an toàn thực phẩm trong trường học, huy động giáo viên và phụ huynh, học sinh tham gia tích cực vào công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Hướng dẫn các cơ quan báo, đài Thành phố, các cơ quan báo, đài Trung ương ký chương trình phối hợp công tác với Thành phố và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tổ chức thông tin, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật, các hoạt động về đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố.

b) Hướng dẫn các đơn vị thuộc trách nhiệm quản lý của ngành thực hiện quảng cáo thực phẩm theo Luật Quảng cáo, Điều 43 của Luật An toàn thực phẩm về Quảng cáo thực phẩm, Chương VIII Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản hiện hành về xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương.

4. Sở Du lịch

Chỉ đạo các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, các cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn, các khu, điểm du lịch có kinh doanh dịch vụ ăn uống đảm bảo đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

5. Công an Thành phố

a) Tổ chức điều tra, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

b) Phối hợp liên ngành trong thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về an toàn thực phẩm. Kiểm soát ngăn chặn việc vận chuyển tiêu thụ thực phẩm không đảm bảo vệ sinh, kém chất lượng và thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ lưu thông trên địa bàn.

6. Sở Văn hóa và Thể thao

a) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý các hoạt động quảng cáo ngoài trời liên quan đến an toàn thực phẩm.

b) Tuyên truyền các thông điệp an toàn thực phẩm tại các Lễ hội, điểm tập trung đông người và đầu mối giao thông, văn hóa, văn minh tại các cơ sở dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố.

7. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND quận, huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế phù hợp cho công tác quản lý về an toàn thực phẩm trên Thành phố; hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác an toàn thực phẩm.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát các quy định thực hiện việc tiếp nhận, cấp giấy tiếp nhận và các quy định liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng và nhãn sản phẩm thực phẩm; khuyến khích, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện quản lý Nhà nước, thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa, sở hữu trí tuệ theo thẩm quyền; làm đầu mối tổng hợp, báo cáo tình hình chất lượng trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn triển khai và cân đối đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án trong lĩnh vực an toàn thực phẩm từ nguồn vốn đầu tư công của Thành phố.

b) Chủ trì huy động các nguồn tài trợ, xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực an toàn thực phẩm của Thành phố.

10. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về nguồn kinh phí để triển khai các hoạt động về an toàn thực phẩm theo quy định.

11. Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Đôn đốc các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm. Phối hợp với Sở Y tế thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

12. Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, các cơ quan báo chí

a) Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan truyền thông, chỉ đạo các Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao cấp huyện, cấp xã thông tin về an toàn thực phẩm thành nội dung thường xuyên của chương trình phát sóng. Dành thời lượng phát sóng các chương trình về bảo đảm an toàn thực phẩm, các chuyên mục cố định, chuyên đề về bảo đảm an toàn thực phẩm.

b) Các Báo: Hà Nội Mới, Kinh tế và Đô thị, Tuổi trẻ Thủ đô và các cơ quan báo, đài khác tăng cường đưa tin bài ảnh, phóng sự về thực trạng tình hình an toàn thực phẩm trên địa bàn, tuyên truyền phổ biến kiến thức, các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm.

Điều 10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các Hội, đoàn thể Thành phố

a) Phối hợp giám sát, tuyên truyền, vận động an toàn thực phẩm, phát động các phong trào bảo đảm an toàn thực phẩm gắn với cuộc vận động xây dựng làng, xã văn hóa ở khu dân cư, nhằm thúc đẩy hình thành hành vi sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trong cộng đồng.

b) Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố: Tuyên truyền, vận động cán bộ hội viên tham gia vào công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Phối hợp với các Sở, ngành chức năng tổ chức các chương trình tập huấn, thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm cho phụ nữ, đặc biệt là các đối tượng kinh doanh, sản xuất thực phẩm quy mô nhỏ lẻ.

c) Hội Nông dân Thành phố: Chủ trì phát động các phong trào sáng kiến, việc làm tốt về bảo đảm an toàn thực phẩm, tích cực đấu tranh với các hành vi mất an toàn thực phẩm trong cộng đồng, làng xã. Phối hợp tổ chức hoạt động tập huấn, hướng dẫn cho các hội viên về sản xuất thực phẩm an toàn, phương pháp chế biến, bảo quản khoa học, sử dụng đúng cách các hóa chất bảo vệ thực vật và

an toàn thức ăn chăn nuôi, phân bón. Phối hợp với các ban, ngành phổ biến, hướng dẫn các giải pháp kỹ thuật tiên tiến bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh, bảo quản thực phẩm.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Khen thưởng, kỷ luật

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quy định này được xem xét khen thưởng theo quy định. Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ này, nếu để xảy ra sai phạm, thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý thuộc lĩnh vực được phân công quản lý thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu các quy định trong văn bản này được thay thế hoặc sửa đổi bổ sung thì áp dụng các quy định theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi bổ sung phù hợp quy định./.

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM THỰC PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 28 /2022/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	
2	Thực phẩm bổ sung, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm	
3	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.	Trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ngành Công Thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó.
5	Các sản phẩm thực phẩm khác không được quy định tại danh mục các sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Công thương và ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

(Ban hành kèm theo Quyết định số : /2022/QĐ-UBND, ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	**Ngũ cốc**	
1	Ngũ cốc	
2	Ngũ cốc đã sơ chế, chế biến (xay xát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt,...)	Trừ các sản phẩm dạng bột, tinh bột và chế biến từ bột, tinh bột.
II	**Thịt và các sản phẩm từ thịt**	
1	Thịt dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (nguyên con, pha lọc, cắt lát, mảnh, xay, viên,...)	
2	Phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu,...)	
3	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn của gia súc, gia cầm (khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin,...)	Trừ thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý.
4	Sản phẩm phối chế có chứa thịt (giò, chả, nem, lạp sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tẩm bột, tẩm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết,...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do ngành Công Thương quản lý.
III	**Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)**	
1	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...)	

2	Phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (da, vây, bóng, mỡ, gan, trứng,... của các loài thủy sản)	
3	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể cả có sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến)	Trừ thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý.
4	Mỡ và dầu có nguồn gốc từ thủy sản được tinh chế hoặc chưa tinh chế dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm có nguồn gốc từ thủy sản do ngành Y tế quản lý.
5	Sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phồng tôm, cá, mực,...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do ngành Công Thương quản lý.
6	Rong biển, tảo và các sản phẩm sản xuất từ rong biển, tảo dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ rong, tảo do ngành Y tế quản lý.
IV	**Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả**	
1	Rau, củ, quả tươi và sơ chế (cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách múi, xay,...)	Trừ các loại rau, củ, quả, hạt làm giống.
2	Rau, củ, quả chế biến (lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đóng hộp, tẩm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm đường, bao bột, dịch chiết, nước ép,...)	Trừ các sản phẩm dạng bánh, mứt, kẹo, ô mai và nước giải khát do ngành Công Thương quản lý.
V	**Trứng và các sản phẩm từ trứng**	
1	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư	
2	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến (bóc vỏ, đóng	

	bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược,...)	
3	Các loại thực phẩm phối chế có chứa trứng, bột trứng	Trừ bánh kẹo có thành phần là trứng, bột trứng do ngành Công Thương quản lý.
VI	**Sữa tươi nguyên liệu**	
VII	**Mật ong và các sản phẩm từ mật ong**	
1	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng	
2	Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong	
3	Các sản phẩm có chứa mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa	Trừ bánh, mứt, kẹo, đồ uống có mật ong làm nước giải khát do ngành Công Thương quản lý. Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm do ngành Y tế quản lý.
VIII	**Thực phẩm biến đổi gen**	
IX	**Muối**	
1	Muối biển, muối mỏ	
2	Muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác	
X	**Gia vị**	
1	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật (bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột, dịch chiết, mù tạt,...)	Trừ gia vị đi kèm sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột (mì ăn liền, cháo ăn liền,...) do ngành Công Thương quản lý.
2	Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt	
3	Tương, nước chấm	
4	Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay	

	hoặc nghiền	
XI	**Đường**	
1	Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn	
2	Đường khác (kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen)	
3	Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường	
XII	**Chè**	
1	Chè tươi, chế biến đã hoặc chưa pha hương liệu	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh, mứt, kẹo có chứa chè do ngành Công Thương quản lý.
2	Các sản phẩm trà từ thực vật khác	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát, do ngành Công Thương quản lý.
XIII	**Cà phê**	
1	Cà phê hạt tươi, khô, chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc từ cà phê	
2	Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất ca-phê-in; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó; dạng bột chiết có hoặc không có đường, sữa, kem để pha uống liền, các sản phẩm chế biến có chứa cà phê	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa cà phê do ngành Công Thương quản lý.
XIV	**Ca cao**	

1	Hạt ca cao tươi, khô, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang; vỏ quả, vỏ hạt, vỏ lụa và phế liệu ca cao khác; bột ca cao nhão, đã hoặc chưa khử chất béo, bơ ca cao, mỡ và dầu ca cao; bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
2	Các chế phẩm từ ca cao dạng bột đã rang xay, không rang xay, dạng đặc, lỏng, bột uống liền có hoặc không có đường, sữa, kem, chế phẩm khác có chứa ca cao	Trừ sản phẩm uống dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa ca cao do ngành Công thương quản lý
XV	**Hạt tiêu**	
1	Hạt tiêu (chỉ Piper) khô, tươi, hạt tiêu xay, nghiền	
2	Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền	
XVI	**Điều**	
1	Hạt điều	
2	Các sản phẩm chế biến từ hạt điều	Trừ bánh, mứt, kẹo có chứa hạt điều do ngành Công Thương quản lý.
XVII	**Nông sản thực phẩm khác**	
1	Các loại hạt (hướng dương, hạt bí, hạt dưa,...) đã hoặc chưa chế biến	
2	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã sơ chế, chế biến (măng, mộc nhĩ, nấm; sản phẩm từ đậu nành ngoại trừ dầu; vỏ, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây,...)	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý.

3	Tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý.
4	Sản phẩm nguồn gốc từ côn trùng dùng làm thực phẩm (châu chấu, dế, nhộng tằm,...)	
XVII	**Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý**	
XIX	**Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số : /2022/QĐ-UBND, ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	**Bia**	
1	Bia hơi	
2	Bia chai	
3	Bia lon	
II	**Rượu, cồn và đồ uống có cồn**	Không bao gồm sản phẩm rượu bổ do ngành Y tế quản lý.
1	Rượu vang	
1.1	Rượu vang không có gas	
1.2	Rượu vang có gas (vang nổ)	
2	Rượu trái cây	
3	Rượu mùi	
4	Rượu cao độ	
5	Rượu trắng, rượu vodka	
6	Đồ uống có cồn khác	
III	**Nước giải khát**	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do ngành Y tế quản lý.
1	Đồ uống đóng hộp, bao gồm nước ép rau, quả	
2	Nước giải khát cần pha loãng trước khi dùng	
3	Nước giải khát dùng ngay	Không bao gồm nước khoáng,

		nước tinh khiết do ngành Y tế quản lý.
IV	**Sữa chế biến**	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý.
1	Sữa dạng lỏng (bao gồm sữa dạng lỏng được bổ sung hương liệu hoặc các phụ gia thực phẩm khác)	
1.1	Các sản phẩm được thanh trùng bằng phương pháp Pasteur	
1.2	Các sản phẩm được tiệt trùng bằng phương pháp UHT hoặc các phương pháp tiệt trùng bằng nhiệt độ cao khác	
2	Sữa lên men	
2.1	Dạng lỏng	
2.2	Dạng đặc	
3	Sữa dạng bột	
4	Sữa đặc	
4.1	Có bổ sung đường	
4.2	Không bổ sung đường	
5	Kem sữa	
5.1	Được tiệt trùng bằng phương pháp Pasteur	
5.2	Được tiệt trùng bằng phương pháp UHT	
6	Sữa đậu nành	
7	Các sản phẩm khác từ sữa	
7.1	Bơ	

7.2	Pho mát	
7.3	Các sản phẩm khác từ sữa chế biến	
V	**Dầu thực vật**	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý.
1	Dầu hạt vừng (mè)	
2	Dầu cám gạo	
3	Dầu đậu tương	
4	Dầu lạc	
5	Dầu ô liu	
6	Dầu cọ	
7	Dầu hạt hướng dương	
8	Dầu cây rum	
9	Dầu hạt bông	
10	Dầu dừa	
11	Dầu hạt cọ hoặc dầu cọ ba-ba-su	
12	Dầu hạt cải hoặc dầu mù tạt	
13	Dầu hạt lanh	
14	Dầu thầu dầu	
15	Các loại dầu khác	
VI	**Bột, tinh bột**	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý.
1	Bột mì hoặc bột meslin	
2	Bột ngũ cốc	

3	Bột khoai tây	
4	Malt: Rang hoặc chưa rang	
5	Tinh bột: Mì, ngô, khoai tây, sắn, khác	
6	Inulin	
7	Gluten lúa mì	
8	Sản phẩm từ bột nhào, đã hoặc chưa làm chín: spaghety, macaroni, mì sợi, mì ăn liền, mì dẹt, gnochi, ravioli, cannelloni, cháo ăn liền, bánh đa, phở, bún, miến...	
9	Sản phẩm từ tinh bột sắn và sản phẩm thay thế chế biến từ tinh bột, ở dạng mảnh, hạt, bột xay, bột rây hay các dạng tương tự	
VII	**Bánh, mứt, kẹo**	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý.
1	Bánh quy ngọt, mặn hoặc không ngọt, mặn	
2	Bánh bít cốt, bánh mì nướng và các loại bánh nướng tương tự	
3	Bánh bột nhào	
4	Bánh mì giòn	
5	Bánh gato	
6	Các loại kẹo cứng, mềm có đường không chứa cacao	
7	Kẹo cao su, đã hoặc chưa bọc đường	
8	Kẹo sô cô la các loại	
9	Mứt, thạch trái cây, bột nghiền và bột nhão từ quả hoặc quả hạch, thu được	

	từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
10	Quả, quả hạch và các phần khác ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
11	Các sản phẩm bánh mứt kẹo khác	
VIII	**Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý**	